

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2018

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang.

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Yên.

* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2018/TLST -HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2018/QĐXXST – DS ngày 02/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16/11/2018 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh L - sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 25/8/2018 của nguyên đơn là chị Vũ Thị Thanh L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn chị L về làm dâu nhà anh S và chung sống cùng bố mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống đến tháng 12/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu chè, cờ bạc, lăng mạ, đánh đập chị L, anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác

và không quan tâm đến gia đình. Chị L đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2018 và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Linh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2012 đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi con chung. Anh S có trách nhiệm đưa tiền cho chị Linh để cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, anh S có nghĩa vụ đưa tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15 tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 06/9/2018 tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 258/TB-TLVA, ngày 06/9/2018 cho anh Nguyễn Văn S. Ngày 08/10/2018 tiến hành tổng đạt và lập biên bản tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 45/QĐ-CCTLCC, ngày 08/10/2018 đối với anh Nguyễn Văn S về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 15/10/2018 tổng đạt giấy triệu tập đối với anh Nguyễn Văn S. Ngày 29/10/2018 tiến hành tổng đạt và lập biên bản tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 285/TB-TA ngày 19/10/2018 đối với anh Nguyễn Văn S. Ngày 01/11/2018 tiến hành tổng đạt và lập biên bản tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 285/TB-TA ngày 30/10/2018 đối với anh Nguyễn Văn S. Ngày 02/11/2018 Tòa án đã tiến hành tổng đạt và lập biên bản tổng đạt đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/11/2018 của TAND huyện Tân Yên đối với anh Nguyễn Văn S. Ngày 17/11/2018 Tòa án đã tiến hành tổng đạt và lập biên bản tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16/11/2018 của TAND huyện Tân Yên đối với anh Nguyễn Văn S. Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn S không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Nguyễn Văn S là bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2018 trưởng thôn Lý Cốt và UBND xã Phúc sơn cho biết: Vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Vũ Thị Thanh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị L về làm dâu nhà anh S. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn do anh Sang chơi bời, không lo kinh tế, không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt nên chị L bế con bỏ đi khỏi nhà anh S và về nhà mẹ đẻ.

Tại biên bản làm việc ngày 29/10/2018 của Tòa án đối với bà Dương Thị B là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn S thì được biết: Anh Nguyễn Văn S hiện có mặt tại gia đình và đã nhận được các văn bản giấy tờ của Tòa án tổng đạt nhưng từ chối ký nhận. Bà B xác nhận chị Vũ Thị Thanh L là con dâu của bà B. Nay chị L có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh S. Về con chung đề

ngợi giải quyết theo pháp luật. Về tài sản chung, công nợ: Chị L, anh S kinh tế độc lập, không liên quan đến gia đình bà Bé nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí và anh S không có mặt để thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 - Luật Hôn nhân gia đình; Điều 144; Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 5, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Vũ Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị Thanh L mỗi tháng 800.000 đồng/tháng. Kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung 18 tuổi.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh S chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Nguyễn Văn S nhưng anh Sang vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án này thì anh Nguyễn Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ, liên quan đến tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Vũ Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn S và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh Nguyễn Văn S không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh Sang phải chịu hậu quả pháp lý.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Vũ Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn S xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh

B, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên chơi bời, cờ bạc, quan hệ với người phụ nữ khác, lăng mạ, đánh đập chị L và vợ chồng không quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị L, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Vũ Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Văn S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị L, anh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2012 do chị L đang nuôi dưỡng, xét theo nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng của hai bên thấy rằng: Hiện nay chị L, anh S đều đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em và việc giải quyết về nuôi dưỡng con chung trong vụ án này cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ngọc A ổn định, phát triển. Hiện nay cháu Ngọc A đang ở ổn định với chị L và mới trên 06 tuổi, không thể thiếu sự chăm sóc của người mẹ nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L và giao cháu Nguyễn Ngọc A cho chị Vũ Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Nguyễn Ngọc A. Anh Nguyễn Văn S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ đưa tiền cho chị Vũ Thị Thanh L để cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian đưa tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15 tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi như yêu cầu của chị L là có cơ sở và phù hợp Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Chị L, anh S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Thanh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 82; khoản 1, khoản 2 Điều 83; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Vũ Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Nguyễn Văn S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ đưa tiền cho chị Vũ Thị Thanh L để cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian đưa tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 15 tháng 12 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Chị Vũ Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Án phí:

Chị Vũ Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002147 ngày 06/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B; chị Vũ Thị Thanh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa